

ĐINH PHƯƠNG DUY – ĐÀO THỊ NGỌC MINH – HUỲNH VĂN SƠN (đồng Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH – ĐÀO THỊ HÀ
LƯU THỊ THU HÀ – NGÔ THÁI HÀ – NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG
TIÊU THỊ MỸ HỒNG – ĐỖ CÔNG NAM – VŨ THỊ THANH NGÀ



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

GIÁO DỤC

CÔNG DÂN

Chân trời sáng tạo

6

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	4
1. Giới thiệu sách giáo khoa môn Giáo dục công dân 6	4
1.1. Quan điểm biên soạn	5
1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân 6	6
2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	6
2.1. Ma trận nội dung/hoạt động	14
2.2. Kết cấu các chủ đề/bài học	15
2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học theo các mạch kiến thức	16
2.4. Một số chủ đề/bài học đặc trưng	19
3. Phương pháp dạy học/tổ chức hoạt động	19
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 6	21
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/tổ chức hoạt động	21
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn giáo dục công dân 6	23
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực – phẩm chất	23
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân 6	27
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	29
5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	29
5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học môn Giáo dục công dân 6	29
6. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	30
6.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các học liệu phục vụ cho việc dạy học môn Giáo dục công dân 6	30
6.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học	30
7. Một số lưu ý lập kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân 6	33
 PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	35
 PHẦN BA: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	42
1. Kết cấu sách giáo viên	42
2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả	42

Lời mở đầu

Sách Giáo dục công dân 6 là một trong những quyển sách đòi hỏi nhiều tiêu chí dù rằng đây là môn học ít tiết, nhưng tính chất giáo dục và dạy học hòa quyện một cách chặt chẽ và sâu sắc. Việc triển khai các đề tài dựa trên các chủ đề phải mềm mại, linh hoạt, hấp dẫn và khả thi là những thách thức rất quan trọng cần giải quyết. Vì thế, chọn đề tài từ các chủ đề; chọn lựa ngữ liệu, kết cấu kịch bản trong chủ đề, sao cho vừa khoa học, vừa đạt mục tiêu rèn luyện các giá trị đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục kinh tế, pháp luật mà đảm bảo sự khai thác hiệu quả về cảm xúc của các em với sự rung động, thông hiểu tích cực là điều mà nhóm tác giả tuân thủ một cách tuyệt đối.

Sách Giáo dục công dân 6 dựa trên nguyên tắc của sự trải nghiệm và khám phá của học sinh lớp 6, vì thế khi tiếp cận các hoạt động, có thể nhận thấy sách tập trung khai thác các hoạt động cụ thể của người học theo định hướng người học là trung tâm. Trên cơ sở khám phá, tích lũy các biểu tượng, giá trị; kiến tạo các tri thức, xác lập các mô hình kỹ năng, các hành động cần rèn luyện, các bài học hay ghi nhớ có liên quan đến chuẩn mực đạo đức, các giá trị đạo đức, các kỹ năng sống,... được hình thành và phát triển. Đây cũng chính là đặc trưng của dạy học phát triển năng lực, phẩm chất của người học mà nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng.

Tài liệu tập huấn giáo viên Giáo dục công dân 6 được thiết kế dựa trên hiểu biết về sách Giáo dục công dân 6 với mục tiêu đảm bảo sao cho thầy cô có thể làm chủ sách này, thực hành thiết kế các hoạt động tích cực của học sinh dựa trên sự đan cài khéo léo thông qua những suy nghĩ, cảm nhận, tự đánh giá và những rung cảm của các em sao cho thật tự nhiên. Vỏ bọc của hoạt động được triển khai và ẩn sâu trong đó là từng gợi mở dành cho học sinh, từng định hướng về giá trị và hành vi của các em thông qua các chủ đề, đề tài gắn kết cùng bối cảnh cuộc sống thật của các em... Như vậy, các chủ đề, bài học sẽ trở nên vừa sức, gần gũi và quen thuộc với các em, cũng có nghĩa là hiệu quả dạy học Giáo dục công dân 6 được đảm bảo.

Tài liệu này được thực hiện theo các nội dung tuyến tính, tuy nhiên, mỗi nội dung đã được nén lại một cách ngắn gọn và cô đọng để thầy cô có thể hiểu rõ hơn về các kiến thức cần quan tâm. Với các ví dụ cụ thể gắn với sách Giáo dục công dân 6, thầy cô cũng có thể hình dung các nội dung sẽ triển khai, các chủ đề, bài học cần thực hiện dành cho học sinh. Trong tài liệu, các nội dung có liên quan được đảm bảo nhất quán với Chương trình giáo dục phổ thông 2018, với các chuyên đề quý thầy cô đang được bồi dưỡng để triển khai chương trình môn Giáo dục công dân. Vì thế, tất cả sự quan tâm của nhóm tác giả hướng đến mục tiêu, thầy cô tổ chức sao cho hiệu quả môn học này.

Hy vọng tài liệu sẽ đáp ứng những mong mỏi của quý thầy cô để thầy cô có thể làm chủ và sẵn sàng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như môn học Giáo dục công dân 6. Chúc quý thầy cô thành công và yêu thích môn dạy này nhiều hơn trong thực tiễn dạy học và giáo dục của mình.

NHÓM TÁC GIẢ



PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

1.1. Quan điểm biên soạn

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo; Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông và Chương trình giáo dục phổ thông (gồm Chương trình giáo dục tổng thể và Chương trình môn học, trong đó có môn Giáo dục công dân) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD–ĐT), với trọng tâm chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp cho học sinh (HS) hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, sách giáo khoa (SGK) Giáo dục công dân 6 được biên soạn theo các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ GD–ĐT với những điểm nổi bật sau đây:

- Bám sát mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông mới và mục tiêu cụ thể của Chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở, với các dạng thức hoạt động theo ma trận có thể tải được mục tiêu và yêu cầu cần đạt nhưng vừa sức và phù hợp với đặc trưng của môn Giáo dục công dân;

- Nghiên cứu, chọn lọc các ngữ liệu do nhóm tác giả thu thập thông qua các đề tài khoa học có liên quan, thông qua việc đánh giá, phân tích các ngữ liệu hiện có của các bộ sách: Đạo đức, Giáo dục lối sống, Rèn luyện kỹ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật để lựa chọn các ngữ liệu theo chủ đề sao cho thật phù hợp, gần gũi;

- Sử dụng kỹ thuật chọn lọc các ngữ liệu thực tiễn từ cuộc sống thông qua các diễn đàn dành cho bố mẹ, giáo viên (GV) với sự chặt lọc và điều chỉnh phù hợp; nguồn dữ liệu thực tiễn còn được thu thập thông qua kinh nghiệm của các GV được khai thác theo kênh Facebook: bình luận câu chuyện dành cho trẻ em và các nguồn tư liệu khác từ báo chí, các kênh học tập trực tuyến;

- Khai thác các ý tưởng phục vụ cho hoạt động cụ thể với các câu chuyện, tranh vẽ hay bộ tranh từ các tác giả theo hướng gần gũi và gắn với đời sống của HS, kết nối với các hoạt động và yêu cầu cần đạt;

– Sử dụng các hình thức thử nghiệm từng phần, thử nghiệm giả định các câu chuyện, các trò chơi, các bài tập, các tình huống ứng xử... trên nhóm HS thực nghiệm để có thể điều chỉnh các ngữ liệu phù hợp... khi trình bày trong sách HS;

– Thao tác hoá các mô hình kĩ năng, các kĩ năng thành phần ở các bài kĩ năng sống và đưa ra các bước cần rèn luyện cụ thể phù hợp với lứa tuổi, bối cảnh khác nhau, tuân thủ logic đường dẫn của ma trận về mục tiêu và yêu cầu cần đạt;

– Cân đối giữa kênh hình và kênh chữ trong việc thể hiện các chủ đề, các hoạt động cụ thể trong từng bài; tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc đảm bảo bình đẳng giới, bình đẳng trong giáo dục, cân bằng về văn hoá địa phương, dân tộc, tôn trọng các quy định về thể hiện không gian văn hoá học đường, không vi phạm các vấn đề có liên quan về tư tưởng, chính trị, tôn giáo,...

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân 6

– Sách được biên soạn trên cơ sở kế thừa các ưu điểm của SGK Giáo dục công dân hiện hành, đồng thời tiếp tục phát triển mô hình SGK Giáo dục công dân mới trong việc thiết kế các hoạt động học tập. Cụ thể, mỗi bài học đều được xây dựng theo cấu trúc: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng.

– Sách chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả.

– Coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Sách được trình bày trực quan, sinh động, kết hợp hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ một cách khoa học và logic, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 6. Cách trình bày được cụ thể trong những phần sau:

+ Kênh chữ: Được sử dụng để mô tả kiến thức và cách thức thực hiện ở từng nội dung bài học bằng văn phong ngắn gọn, từ ngữ dễ hiểu, dễ thực hiện, khơi gợi ý thức tự học, tự tìm hiểu của HS.

+ Kênh hình: Sử dụng các hình ảnh rõ nét, sinh động giúp HS đáp ứng được các yêu cầu cần đạt, hình thành các năng lực, phẩm chất đặc thù, đồng thời gợi ý cho HS có thể trải nghiệm và tổ chức nhiều hoạt động thực hành vận dụng khác nhau. Bên cạnh đó, kênh hình cũng tạo điều kiện thuận lợi cho GV định hình và có sự chuẩn bị tốt nhất cho việc tổ chức các hoạt động thu hút HS tham gia.

Sự kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình còn mang đến sự gần gũi và tiếp cận với xu hướng phát triển trong biên soạn SGK hiện nay. Kiến thức được minh hoạ bằng hình ảnh và những ghi chú ngắn gọn đem đến sự hấp dẫn cho HS, mỗi lần đọc như là mỗi lần được thực hiện bài tập; góp phần dẫn dắt, tạo ra sự tò mò và trí tưởng tượng của HS mỗi khi sử dụng sách.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Ma trận nội dung/hoạt động

Tên bài học	Số tiết	Nội dung	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn	Năng lực môn học	Năng lực chung	Phẩm chất	Tư liệu/ ngữ liệu/ hình ảnh
1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. – Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. – Biểu hiện giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số biện pháp cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. – Luyện tập những hành động giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. – Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. – Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.	Năng lực phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi đạo đức, hành vi pháp luật.	Năng lực tự chủ	Yêu nước (*), trách nhiệm	– Hình ảnh, tranh vẽ – Ca dao, tục ngữ – Trắc nghiệm nhanh – Câu chuyện ngắn – Chuyện sáng tạo

2. Yêu thương con người	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm yêu thương con người. – Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc yêu thương con người. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của tình yêu thương con người, giá trị của yêu thương con người. – Thực hiện những kỹ năng giao tiếp, ứng xử thể hiện tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số cách thức định hướng bản thân, rèn luyện thái độ để ứng xử theo phương châm “Sống biết yêu thương con người” – Luyện tập những hành động, lời nói thể hiện tình yêu thương con người. Nhận xét đánh giá kết quả học tập	– Nêu được khái niệm yêu thương con người. – Liệt kê được các biểu hiện của tình yêu thương con người. – Nhận ra được giá trị của tình yêu thương con người. – Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người (với gia đình, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh). – Đánh giá được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu thương của người khác.	Năng lực phát triển bản thân và điều chỉnh hành vi đạo đức	Năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề	Nhân ái (*), yêu nước	– Trò chơi ô chữ – Hình ảnh, tranh vẽ – Ca dao, tục ngữ – Bình luận hình – Câu chuyện ngắn
--------------------------------	---	---	---	--	--	-----------------------	--

3. Siêng năng, kiên trì	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm siêng năng, kiên trì. – Ý nghĩa và vai trò của siêng năng, kiên trì trong cuộc sống.	– Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.	Năng lực phát triển bản thân	Năng lực tự chủ và tự học	Chăm chỉ (*), trách nhiệm	– Trò chơi nhận thức – Hình ảnh, tranh vẽ
--------------------------------	---	--	--	------------------------------	---------------------------	---------------------------	--



		Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của siêng năng, kiên trì (chăm chỉ, không bỏ cuộc, quyết tâm...). – Đánh giá được hành vi của bản thân và người khác về siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số biện pháp để rèn luyện tính siêng năng, kiên trì. – Luyện tập tính siêng năng, kiên trì trong cuộc sống hằng ngày. Nhận xét đánh giá kết quả học tập.	– Đánh giá được hành vi của bản thân và người khác về siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động. – Thể hiện được siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. – Ủng hộ, quý trọng người siêng năng, kiên trì; phê phán những biểu hiện của sự lười biếng, hay nản lòng.				– Ca dao, tục ngữ, danh ngôn – Câu chuyện ngắn – Lựa chọn nhanh – Sơ đồ tư duy – Xử lý tình huống – Thiết kế slogan
4. Tôn trọng sự thật	2	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tôn trọng sự thật. – Tầm quan trọng và ý nghĩa của tôn trọng sự thật. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của tôn trọng sự thật. – Phê phán, phản đối việc làm, lời nói thiếu tôn trọng sự thật. – Một số hành động, cách thức cần làm để tôn trọng sự thật trong cuộc sống hằng ngày. – Luyện tập một số hành động, cách thức để trở thành người biết tôn trọng sự thật. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nêu được khái niệm tôn trọng sự thật. – Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. – Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật. – Thực hiện các hành vi và việc làm nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè. – Phê phán, phản đối việc làm, lời nói thiếu tôn trọng sự thật.	Năng lực điều chỉnh hành vi đạo đức	Năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác	Trung thực (*), trách nhiệm	– Trò chơi ô chữ – Hình ảnh, tranh vẽ – Ca dao, tục ngữ, danh ngôn – Câu chuyện ngắn – Xử lý tình huống

5. Tự lập	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tự lập. – Lợi ích, tầm quan trọng của tự lập trong cuộc sống. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của người có tính tự lập (tự chăm sóc bản thân, tự phục vụ bản thân, tự giác làm việc của mình, không ỷ lại vào người khác...). – Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số biện pháp rèn luyện tự lập (thay đổi thói quen từ hành động nhỏ, nhật kí chiến thắng, tin tưởng bản thân...). – Luyện tập những kĩ năng để rèn luyện tính tự lập trong học tập và cuộc sống. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nêu được khái niệm tự lập. – Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. – Trình bày được ý nghĩa của tính tự lập đối với cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội. – Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. – Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, trong các hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng, không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.	Năng lực phát triển bản thân	Năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề	Trách nhiệm (*), chăm chỉ	– Câu chuyện ngắn – Bình luận tranh – Ca dao, tục ngữ – Sơ đồ tư duy – Xử lí tình huống
-----------	---	--	--	------------------------------	--	---------------------------	---

6. Tự nhận thức bản thân	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tự nhận thức bản thân. – Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân trong cuộc sống.	– Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. – Liệt kê được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, tự nhận thức giá trị, vị trí của bản thân.	Năng lực phát triển bản thân	Năng lực tự chủ và tự học	Trung thực (*), chăm chỉ,	– Câu chuyện ngắn – Danh ngôn cuộc sống – Hình ảnh, tranh vẽ
--------------------------	---	---	---	------------------------------	---------------------------	---------------------------	--

		Tiết 2: Hình thành kĩ năng – Liệt kê được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, tự nhận thức giá trị, vị trí của bản thân. – Biểu hiện tự nhận thức giá trị, vị trí, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Luyện tập những cách thức để tự nhận thức bản thân một cách hiệu quả. – Xây dựng được kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân và sống tôn trọng bản thân. – Xây dựng được kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.				– Bình luận tranh – Điền vào chỗ trống – Xử lí tình huống
--	--	---	--	--	--	--	---

7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tình huống nguy hiểm. – Ý nghĩa, hậu quả của một số tình huống nguy hiểm trong cuộc sống. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện, biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm. – Ứng phó với tình huống nguy hiểm bằng cách ghi nhớ thông tin cứu hộ, thao tác sơ cứu, nhận diện kẻ xấu, tình huống nguy hiểm và đề cao cảnh giác...	– Nhận biết được các tình huống nguy hiểm. – Hiểu được hậu quả của một số tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. – Thực hành được một số hành động ứng phó trước các tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.	Năng lực phát triển bản thân, giải quyết vấn đề	Năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề	Trách nhiệm (*), nhân ái	– Hình ảnh, tranh vẽ – Sơ đồ tư duy – Ca dao, tục ngữ – Thơ – Bài báo ngắn – Xử lí tình huống
--	---	--	---	---	------------------------------------	--------------------------	--

		Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số cách thức thực hành, rèn luyện khả năng ứng phó với tình huống nguy hiểm. – Luyện tập những biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.					
--	--	---	--	--	--	--	--

8. Tiết kiệm	3	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm tiết kiệm. – Các hình thức tiết kiệm và ý nghĩa của tiết kiệm trong cuộc sống. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Biểu hiện của tiết kiệm. – Hành động thể hiện tiết kiệm và phê phán hành động lãng phí. Tiết 3: Thực hành, rèn luyện – Một số cách thức thực hành, rèn luyện thói quen tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày. – Luyện tập thực hành thói quen tiết kiệm trong cuộc sống. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của việc tiết kiệm (tiền bạc, của cải, thời gian). – Hiểu được vì sao phải sống tiết kiệm. – Thực hành được việc tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. – Đánh giá, nhận xét được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. – Phê phán biểu hiện xa hoa, lãng phí.	Năng lực phát triển bản thân, giải quyết vấn đề về kinh tế	Năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Chăm chỉ (*), trách nhiệm	– Bài báo ngắn – Hình ảnh, tranh vẽ – Ca dao, tục ngữ – Thơ – Lựa chọn nhanh – Chuyện sáng tạo – Xử lý tình huống
---------------------	---	---	--	--	--	---------------------------	---

9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm công dân. – Các căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Khái niệm công dân và căn cứ, cơ sở xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Năng lực điều chỉnh hành vi đạo đức, hành vi pháp luật	Năng lực giao tiếp và hợp tác	Yêu nước (*), trách nhiệm	– Hình ảnh, tranh vẽ – Trò chơi – Ca dao, tục ngữ – Câu chuyện ngắn – Bài báo – Xử lí tình huống
--	---	--	--	--	-------------------------------	---------------------------	---

10. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	2	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Giải thích được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Một số cách thức thực hiện hành động, thái độ thể hiện trách nhiệm công dân Việt Nam. – Bước đầu thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của công dân một cách phù hợp với lứa tuổi.	– Giải thích được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Bước đầu thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của công dân một cách phù hợp.	Năng lực điều chỉnh hành vi đạo đức, hành vi pháp luật	Năng lực giao tiếp và hợp tác	Yêu nước (*), trách nhiệm	– Hình ảnh, tranh vẽ – Trò chơi – Ca dao, tục ngữ – Câu chuyện ngắn – Bài báo – Xử lí tình huống
---	---	--	--	--	-------------------------------	---------------------------	---

11. Quyền cơ bản của trẻ em	2	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Khái niệm quyền trẻ em. – Vai trò, ý nghĩa của quyền trẻ em trên thế giới. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Nội dung các quyền cơ bản của trẻ em. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.	Năng lực phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi đạo đức, hành vi pháp luật	Năng lực giao tiếp và hợp tác	Trách nhiệm (*), nhân ái	– Bình luận tranh – Hình ảnh, tranh vẽ – Sơ đồ tư duy – Ca dao, tục ngữ – Thơ – Lựa chọn nhanh – Thuyết trình – Trang trí đồ vật
--	---	---	--	---	-------------------------------	--------------------------	---

12. Quyền cơ bản của trẻ em	2	Tiết 1: Hình thành kiến thức – Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. – Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. Tiết 2: Phát triển kiến thức – Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.	– Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. – Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. – Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.	Năng lực phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi đạo đức, hành vi pháp luật	Năng lực giao tiếp và hợp tác	Trách nhiệm (*), nhân ái	– Bình luận tranh – Hình ảnh, tranh vẽ – Sơ đồ tư duy – Ca dao, tục ngữ – Thơ – Lựa chọn nhanh – Thuyết trình – Trang trí đồ vật
--	---	---	---	---	-------------------------------	--------------------------	---

		– Luyện tập, thực hành những hành động thể hiện quyền trẻ em theo Công ước Liên hợp quốc và Luật Trẻ em. - Nhận xét, đánh giá kết quả học tập.	– Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.				
--	--	---	---	--	--	--	--

13. Kiểm tra, đánh giá	4	– Đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt đặt ra. – Cung cấp thông tin để cơ quan quản lý giáo dục và GV điều chỉnh chương trình và hoạt động giáo dục trong nhà trường. – Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập. Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực. – Đánh giá bằng điểm chữ gồm: A+ (Xuất sắc), A (Tốt), B (Khá), C (Đạt yêu cầu), D (Cần cố gắng hơn); được quy đổi sang thang điểm 10 với hệ số quy đổi như sau: loại A+ tương đương 10 điểm; loại A: từ 8 đến 9 điểm; loại B: từ 6 đến 7 điểm; loại C: 5 điểm; loại D: dưới 5 điểm. – Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS. – Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ GD–ĐT.
-------------------------------	---	--

2.2. Kết cấu các chủ đề/bài học

Ở cấp THCS, chương trình môn Giáo dục công dân quy định nội dung giáo dục gồm:

– Giáo dục đạo đức; trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm;

- Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ;
- Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng;
- Giáo dục phát luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn Giáo dục công dân 6 được quy định qua 12 chủ đề cụ thể: 1) *Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ*; 2) *Yêu thương con người*; 3) *Siêng năng, kiên trì*; 4) *Tôn trọng sự thật*; 5) *Tự lập*; 6) *Tự nhận thức bản thân*; 7) *Ứng phó với tình huống nguy hiểm*; 8) *Tiết kiệm*; 9) *Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; 10) *Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam*; 11) *Quyền cơ bản của trẻ em*; 12) *Thực hiện quyền trẻ em*.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học theo các mạch kiến thức

Dựa trên cơ sở *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa** (sau đây viết gọn là *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7), bài học trong SGK Giáo dục công dân 6 bao gồm 4 thành phần cơ bản: *Khởi động*, *Khám phá*, *Luyện tập*, *Vận dụng*.

Khởi động: là hoạt động nhằm kích hoạt vốn kiến thức kĩ năng đã có của HS, tạo tâm thế, hứng thú để chuẩn bị bước vào bài học, tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới.

Khám phá: là hoạt động giúp HS tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức mới hoặc hình thành nhận thức mới đúng hơn, tốt hơn, chính xác hơn về một vấn đề thông qua hệ thống các câu hỏi/ giải pháp/ tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Luyện tập: là hoạt động giúp HS củng cố, mở rộng, phát triển kiến thức, nhận thức vừa khám phá và rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Vận dụng: là hoạt động giúp HS bước đầu vận dụng kiến thức, kĩ năng đã khám phá và luyện tập để giải quyết một số vấn đề trong thực tế gia đình, nhà trường và xã hội phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Một số chủ đề/bài học đặc trưng

Bài 1 Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ

Sau bài học này, em có thể:

- Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.
- Thực hiện được những việc làm cụ thể, phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát những hình ảnh dưới đây và cho biết các hình ảnh đó thể hiện những truyền thống nào của gia đình, dòng họ.

1

2

3

4

KHÁM PHÁ

Em hãy đọc các thông tin sau đây và trả lời câu hỏi:

THÔNG TIN

1. Nam lớn lên trong gia đình có truyền thống hiếu học. Nam tự hào nhất về sự nỗ lực học tập nói được nhiều ngoại ngữ của bố, trí nhớ về các tác phẩm văn học và sự tự rèn luyện đọc thơ điển cảm của mẹ. Hôm nay, nhận được giải thưởng thuyết trình xuất sắc nhất bằng tiếng Anh, Nam cảm ơn bố mẹ và thầy cô trong niềm hạnh phúc.

2. Chị em Hà sinh ra trong một gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng bố mẹ luôn yêu thương, dạy bảo hai chị em Hà hết lòng. Không chỉ như vậy, bố mẹ Hà còn luôn sẵn lòng giúp đỡ bà con xóm giềng. Nói gương ông bà, bố mẹ, hai chị em Hà luôn sống chan hoà, đoàn kết, yêu thương và giúp đỡ mọi người. Vì vậy, từ người già đến trẻ nhỏ trong xóm, ai cũng quý mến gia đình Hà.

3. Gia đình Khuê nhiều đời nay đều làm nghề mộc và kinh doanh đồ gỗ. Những sản phẩm bằng gỗ luôn có một sức hút rất lớn đối với Khuê. Khuê thường dành thời gian rảnh rỗi ở xưởng mộc gia đình để học hỏi thêm về nghề của ông cha. Khuê mong sau này sẽ thi đỗ vào ngành điêu khắc gỗ để phát huy hơn nữa truyền thống gia đình.

LUYỆN TẬP

Em hãy đọc và thảo luận những tình huống sau:

Tình huống 1: Hoàng là con trai duy nhất trong một gia đình khá giả làm nghề buôn bán phế liệu ở thị trấn. Công việc của bố mẹ Hoàng có thu nhập cao nhưng vô cùng vất vả. Hoàng không những không giúp đỡ bố mẹ mà còn lười học. Khi được các bạn góp ý, Hoàng còn nói: "Tôi như thế này sao có thể đi thu gom phế liệu được. Sau này, tôi nhất định sẽ không làm cái nghề ấy".

Em nhận xét gì về thái độ của Hoàng? Nếu là bạn của Hoàng, em sẽ khuyên Hoàng như thế nào?

Tình huống 2: Lan là học sinh của lớp 6A1. Ngày chủ nhật của tuần cuối tháng là ngày mà Lan yêu thích nhất. Vì khi đến ngày đó, Lan cùng gia đình tham gia những việc làm thiện nguyện đầy ý nghĩa như: tặng quà cho các cụ già neo đơn; tặng sách vở, quần áo cho trẻ em cơ nhỡ... Theo kế hoạch của gia đình trong lần tới, là sẽ đi đến miền Trung để giúp đỡ những gia đình bị tổn thất nhiều do thiên tai.

Em có suy nghĩ gì về việc làm của bạn Lan cùng gia đình?

Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống: hiếu thảo, hiếu học, yêu nghề,...

Chọn một câu ca dao, tục ngữ ở trên mà em thích nhất và rút ra ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ ấy?

Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống sau:

Tình huống: Giang sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học, có trình độ học vấn cao, vì vậy bố mẹ muốn Giang trở thành một nhà khoa học. Giang còn đang phân vân thì các bạn bảo rằng cứ làm theo ý mình chứ sao phải vì gia đình.

1. Nếu là Giang em sẽ ứng xử như thế nào với bạn bè?

2. Em sẽ làm gì để thể hiện sự tự hào về truyền thống của gia đình em?

VẬN DỤNG

Em hãy giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ mình hoặc một gia đình, dòng họ khác mà em biết.

Gợi ý: thông qua bài viết; làm báo ảnh; làm áp phích hoặc làm video... về gia đình Giáo sư Tôn Thất Tùng hoặc một gia đình tại địa phương em.

Em hãy vẽ một bức tranh nói về ước mơ của em trong tương lai để duy trì, phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

Ứng phó với tình huống nguy hiểm

Bài 7

Sau bài học này, em có thể:

- Nêu được một số tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.
- Liệt kê các cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.
- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.

KHỞI ĐỘNG

Em hãy đọc câu ca dao sau và trả lời câu hỏi.

*Con đi mẹ dặn câu này
Sống sâu chỗ lủi, đồ đầy chỗ qua. (Ca dao)*

Qua câu ca dao trên, người mẹ muốn khuyên dạy con mình điều gì?

KHÁM PHÁ

Em hãy quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

1

Em sợ quá rồi ơi!

2

Đuối nước, đuối nước kìa!

3

Sao chú ấy cứ theo mình mãi thế?

4

Mình cũng hiểu bạn ấy nhỉ!

1. Đây là những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra xung quanh em và cho biết hậu quả của các tình huống nguy hiểm đó?

2. Thảo luận cách ứng phó với tình huống nguy hiểm trên.

3. Em hiểu thế nào là tình huống nguy hiểm?

Minh là một học sinh lớp 6A3. Bạn ấy khá hài hước nhưng hay đùa giỡn quá mức với bạn bè. Lần nào xếp hàng đi chuyển lên cầu thang vào lớp, Minh cũng xô đẩy các bạn, kể cả với những bạn nữ.

2. Nếu là bạn học cùng lớp với Minh, em sẽ làm gì để bản thân và các bạn trong lớp không gặp nguy hiểm từ sự đùa giỡn của Minh?

Em hãy đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi:

Vào giờ chơi, Nam rủ một nhóm bạn trong lớp dùng giấy ném vào tổ ong trên cành cây của khu vườn sát bên bờ rào của trường.

1. Hành động của Nam và các bạn có thể dẫn đến những hậu quả gì?

2. Nếu em là một trong những bạn được Nam rủ, em sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

Em hãy sắp xếp các bước ứng phó với tình huống nguy hiểm:

– Chọn phương án ứng phó hiệu quả

– Liệt kê các cách ứng phó

– Nhận diện tình huống nguy hiểm

– Bình tĩnh suy nghĩ.

Tình huống nguy hiểm là những tình huống có thể gây ra những tổn hại về thể chất, tinh thần cho con người và xã hội.

Một số tình huống nguy hiểm thường gặp như: bão, lũ, động, sét, bắt cóc, xâm hại, đuối nước, cháy nổ...

Để ứng phó với tình huống nguy hiểm, cần phải thật bình tĩnh, suy nghĩ thật kỹ, tìm kiếm sự hỗ trợ và các cách ứng phó phù hợp, an toàn nhất. Khi gặp tình huống nguy hiểm khó có thể đối đầu, cần trốn chạy, kêu cứu. Sau đó, tìm cách để lại dấu vết, thông tin để báo cho người thân, công an và người xung quanh. Một số trường hợp cần nhắc đánh thật mạnh vào chỗ hiểm của kẻ xấu nếu có thể để bảo vệ mình.

Nếu cảm thấy sự an toàn của bản thân hay của người khác bị đe dọa, em có thể gọi điện thoại:

28

29

Chân thành sáng tạo

+ Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em: 111

+ Yêu cầu trợ giúp khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn toàn quốc: 112

+ Cảnh sát: 113

+ Phòng cháy chữa cháy: 114

+ Cứu thương: 115

+ Đường dây nóng hỗ trợ trẻ em: 18001507

Hoặc báo trực tiếp, gọi điện đến người thân, bạn bè em tin cậy nhất.

LUYỆN TẬP

Em hãy nêu cách ứng phó với một số tình huống giả định dưới đây:

- Nhận được thư đe dọa từ một người lạ.
- Phát hiện có người lạ đi theo mình trên đoạn đường vắng.
- Phát hiện mình có thể nguy hiểm vì người lạ trong thang máy có dấu hiệu đáng ngờ.

Em hãy sắm vai tập giải quyết các tình huống sau:

Tình huống 1: Linh và Tùng đi xe đạp trên đường về nhà thì bất ngờ gặp một mưa to có kèm theo sét. Hai bạn đang loay hoay tìm chỗ trú thì nhìn thấy trước mặt có một gốc cây to, tán lá rộng lớn. Tùng liền bảo với Linh: "Tớ có mang theo cái ô to đấy, hay là mình đến gốc cây kia rồi bật ô lên để trú mưa".

Tình huống 2: Trên đường đi học về, Mỹ gặp một người lạ, tự xưng là bạn của bố và đề nghị đưa bạn về nhà.

Tình huống 3: Trên đường sang nhà bà ngoại, Hưng đi qua cánh đồng vắng vẻ. Có hai thanh niên đi xe máy từ xa tiến tới, yêu cầu Hưng đưa tất cả đồ đạc cho chúng.

Em hãy thảo luận và chia sẻ với các bạn về những tình huống nguy hiểm thường gặp ở trường học, ngoài đường phố, ở nhà và cách ứng phó với chúng.

VẬN DỤNG

Em hãy lên danh sách các vật dụng cần thiết để ứng phó với các tình huống nguy hiểm và đề xuất với bố mẹ trang bị cho gia đình (ví dụ: dụng cụ phòng cháy chữa cháy, tủ thuốc y tế, găng tay làm vườn, ủng, thuốc xịt muỗi,...).

Sưu tầm các kĩ năng ứng phó với một số tình huống nguy hiểm cụ thể. (Ví dụ: động đất, sạt lở núi, đuối nước, cháy nổ,...)

30

Bài 9 Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Sau bài học này, em có thể:

- Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hiểu được các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam.

KHỞI ĐỘNG

Em hãy quan sát các bạn dưới đây và đoán xem bạn nào là công dân Việt Nam, bạn nào không phải là công dân Việt Nam? Vì sao?

Tôi là Nam

Tôi là Peter

Tôi là Hoa

Tôi là Sùng Nhi

Tôi là Anna

Tôi là Jim

KHÁM PHÁ

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

- Căn cứ nào để xác định một người là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
- Căn cứ nào để xác định một người có quốc tịch Việt Nam?

THÔNG TIN 1

- Công dân là cá nhân, con người cụ thể, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật của một quốc gia.
- Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam (trích khoản 1 Điều 17 Hiến pháp năm 2013).

THÔNG TIN 2

- Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch (trích khoản 1 Điều 2 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam (trích khoản 1 Điều 5 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Một số căn cứ để xác định người có quốc tịch Việt Nam:
 - Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam.
 - Trẻ em được sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch.
 - Trẻ em được sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai.
 - Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.
 - Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con.
 - Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
 - Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi tại Việt Nam.
 - Trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam.

(Trích Điều 15, 16, 17 Luật Quốc tịch năm 2008)

Em hãy quan sát hình ảnh sau để xác định thông tin trong giấy tờ nào cho biết đó là Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoa rất thông minh và xinh xắn nhưng lại có tuổi thơ kém may mắn hơn các bạn khác. Khi sinh ra bạn bị bỏ rơi ở Việt Nam và không rõ bố mẹ mình là ai. Hiện nay, Hoa là thành viên của làng trẻ em SOS.

Jim là người nước ngoài, được bố mẹ là người Việt Nam nhận làm con nuôi. Jim nói tiếng Việt rất giỏi và hiện đang sinh sống cùng bố mẹ nuôi tại Việt Nam.

Nam có bố mang quốc tịch Anh, mẹ có quốc tịch Việt Nam. Nam sinh ra và lớn lên ở Hà Nội nên đã lựa chọn theo quốc tịch của mẹ.

Bố mẹ Anna đều là người gốc Mỹ nhưng sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ lâu. Họ đã nhập quốc tịch Việt Nam và cả gia đình Anna hiện đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Em hãy đọc và thảo luận các tình huống sau:

Tình huống 1: Hậu sinh ra và lớn lên ở tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam. Khi sinh ra Hậu, bố mẹ bạn là người không có quốc tịch Việt Nam nhưng cư trú trên lãnh thổ Việt Nam. Năm qua, bố mẹ bạn đã được nhận quyết định nhập quốc tịch Việt Nam.

Theo em, bạn Hậu có phải là công dân Việt Nam không? Vì sao?

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 6

Chương trình môn Giáo dục công dân đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực trong môn Giáo dục công dân, trên cơ sở đó hình thành phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn Giáo dục công dân như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương; trải nghiệm; xử lý tình huống; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án; thực hành...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn Giáo dục công dân.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn Giáo dục công dân với các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, chương trình giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng đến mục tiêu “HS làm gì, làm thế nào từ những điều đã học?”; do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực được vận dụng trong môn Giáo dục công dân là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kỹ năng giải quyết

các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức Giáo dục công dân cho riêng mình.

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực ứng dụng trong môn Giáo dục công dân là:

– Quá trình dạy học môn Giáo dục công dân được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn;

– Trong quá trình dạy học môn Giáo dục công dân, GV tổ chức hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kĩ năng chuyên biệt của môn học;

– Mục tiêu dạy học của môn Giáo dục công dân là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống. Đây cũng chính là hướng đích đến chuẩn đầu ra một cách chặt chẽ và khoa học.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới phương pháp dạy học trong việc dạy môn Giáo dục công dân không phải thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở thực tiễn hành động của người GV: các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức – kĩ năng, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt HS vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ, cảm xúc và đề xuất các giải pháp hành động... cũng như phải hành động phù hợp hay không.

Nói cách khác, đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập môn Giáo dục công dân cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học tập theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kĩ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hoà với các phương pháp dạy học truyền thống... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới phương pháp dạy học nói chung và đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân nói riêng.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/tổ chức hoạt động

Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được thực hiện thông qua nội dung dạy học môn Giáo dục công dân. Do đó, nội dung vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực. Phẩm chất và năng lực vừa là đầu ra của chương trình môn Giáo dục công dân, vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức Giáo dục công dân.

Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân được thực hiện theo các định hướng chung sau đây:

Chú trọng tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS

Chương trình môn Giáo dục công dân đã chỉ ra định hướng trước hết về phương pháp giáo dục của môn học này là: “Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai”.

Cần phải đổi mới dạy học theo định hướng tổ chức hoạt động cho HS vì phẩm chất và năng lực chỉ có thể được hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động. Khái niệm năng lực đã nêu trong Chương trình tổng thể cho thấy đặc điểm cơ bản của năng lực là được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, dạy học theo phát triển năng lực phải coi trọng tổ chức hoạt động.

Có 3 hoạt động chủ yếu cần tổ chức cho HS tham gia tích cực, chủ động là: hoạt động khám phá vấn đề; hoạt động luyện tập; hoạt động thực hành (vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn).

Yêu cầu sư phạm của tổ chức hoạt động là:

- Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt.
- HS phải là chủ thể của hoạt động.
- Hình thức tổ chức các hoạt động cho HS phải không ngừng được đổi mới theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả.
- Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động tự học.

Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học

Định hướng này đã được chỉ rõ trong Chương trình môn Giáo dục công dân là: “Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án,...”.

Theo định hướng trên, dạy học môn Giáo dục công dân có thể kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, dạy học dự án,...

Đổi mới hình thức dạy học môn Giáo dục công dân

Chương trình môn Giáo dục công dân đã nêu định hướng này như sau: “Đổi mới hình thức dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS”.

Do chương trình có tính “mở” nên các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động bố trí thời lượng cho tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường nhưng phải phù hợp với nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã quy định trong Chương trình môn Giáo dục công dân và bảo đảm thực hiện các quy định của Chương trình môn Giáo dục công dân về thời lượng thực hiện chương trình môn học.

Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội

Chương trình môn Giáo dục công dân định hướng dạy học môn Giáo dục công dân phải: “Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Phương pháp giáo dục này phù hợp với đặc trưng của môn Giáo dục công dân vì dạy học môn Giáo dục công dân nhằm hình thành, phát triển cho HS tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong quan hệ với bản thân, với người khác, với gia đình, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên.

Để kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội trong dạy học môn Giáo dục công dân nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV môn học cần chú ý thực hiện tốt các yêu cầu sau:

– Chú trọng lựa chọn, bổ sung nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động học tập để HS liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thường gặp trong gia đình, ngoài xã hội.

– Phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS ở ngoài lớp học, trường học, giúp cho các hoạt động của HS được diễn ra an toàn và đạt hiệu quả giáo dục.

– Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và đánh giá chính xác sự tiến bộ của HS, thông qua đánh giá kết quả để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho HS. Muốn vậy, GV môn học phải thường xuyên liên hệ với gia đình và các tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục HS và phải thiết kế được mẫu phiếu nhận xét thái độ, hành vi của HS trong tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt ở lớp, ở nhà, ở cộng đồng phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và đảm bảo tính giáo dục.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Trong chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Giáo dục công dân cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân là 10% trong tổng số 35 tiết ở khối lớp 6 (tương đương với 4 tiết). Nội dung là đánh giá cuối học kì và cuối năm học.

4.1.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả Giáo dục công dân là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình để trên cơ sở đó điều chỉnh hoạt động dạy học và cách tổ chức quản lý nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

4.1.2. Nguyên tắc đánh giá

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn Giáo dục công dân, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình, có lợi/có hại, v.v.

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học Giáo dục công dân cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học Giáo dục công dân trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học Giáo dục công dân phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi chương trình giáo dục phổ thông mới chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV môn Giáo dục công dân cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS ở môn học này.

4.1.3. Hình thức đánh giá

4.1.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định được mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Giáo dục công dân, từ đó tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên môn Giáo dục công dân, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học Giáo dục công dân về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Giáo dục công dân gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo từng bài học.
- Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài Giáo dục công dân, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài Giáo dục công dân đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình học sinh hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau, nhờ đó việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi của HS. Bởi vì, các bài học Giáo dục công dân liên quan đến các mối quan hệ đa dạng của các em, trong đó có nhiều mối quan hệ ngoài nhà trường – gia đình, hàng xóm láng giềng, công trình công cộng, môi trường.... Khi đó, việc HS thực hiện hành vi đạo đức không có mặt của thầy cô giáo. Và, nhờ sự vận dụng phối hợp các phương pháp, cộng với sự tham gia của các lực lượng giáo dục, cùng với tự đánh giá của HS thì hành vi của các em mới có thể được đánh giá khách quan.

Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn Giáo dục công dân của mỗi HS, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn Giáo dục công dân là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất bài Giáo dục công dân, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

4.1.3.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ GD–ĐT, đánh giá định kì đối với môn Giáo dục công dân được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo các nội dung, bài đã học.

– Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Giáo dục công dân, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Giáo dục công dân.
- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Giáo dục công dân.
- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn Giáo dục công dân.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Giáo dục công dân là vấn đáp, kiểm tra viết.

Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành ngày 12- 12-2011 về Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và trung học phổ thông và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12- 2-2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, thì việc kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân 6 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

– Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn Giáo dục công dân quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;

– Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

– Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được giáo viên môn Giáo dục công dân theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

– Mục đích cuối cùng của môn Giáo dục công dân là hình thành và phát triển các chuẩn mực hành vi cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân 6

4.2.1. Tìm hiểu bài kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kỹ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập môn Giáo dục công dân, mà còn quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này.

Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học.

Có thể sử dụng bài kiểm tra tự luận để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS. Cụ thể, đối với kiểm tra, đánh giá kiến thức, HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học Giáo dục công dân quy định).

Đối với kiểm tra, đánh giá kỹ năng, HS cần đánh giá hành vi (xác định hành vi đó là đúng hay sai và giải thích vì sao) hay xử lý tình huống (nêu cách xử lý tình huống và giải thích cách giải quyết của mình) liên quan bài học.

4.2.2. Trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra viết nhằm đánh giá kết quả học tập của HS qua bài viết của các em với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập, về cơ bản, mang tính lựa chọn hoặc điền thêm một số từ.

Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

Trong dạy học môn Giáo dục công dân, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và kỹ năng, hành vi của HS.

Để kiểm tra, đánh giá **kiến thức**, có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên, đối với từng nội dung kiến thức cụ thể, để bảo đảm hiệu quả, cần vận dụng dạng phù hợp. Cụ thể, đối với nội dung *sự cần thiết* thực hiện bài học đạo đức, dạng câu hỏi trắc nghiệm thường được sử dụng là điền khuyết.

Để kiểm tra, đánh giá **thái độ**, bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS bày tỏ thái độ của mình (đồng ý, không đồng ý...) đối với các ý kiến, quan niệm liên quan đến bài học.

Để kiểm tra, đánh giá các **kỹ năng** nhận xét hành vi, xử lý tình huống đạo đức, các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng là điền đúng – sai, nhiều lựa chọn.



Đối với việc kiểm tra, đánh giá **hành vi**, HS cần tự đánh giá việc thực hiện hành vi liên quan đến bài học.

4.2.3. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp sử dụng các giác quan (chủ yếu là thị giác và thính giác) để xem xét, làm rõ sự vật, hiện tượng theo mục đích đã xác định.

Trong dạy học môn Giáo dục công dân, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi của HS theo từng hoạt động, bài học của môn Giáo dục công dân.

4.2.4. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa GV và HS nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được. Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn Giáo dục công dân trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học môn Giáo dục công dân, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kĩ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi “tại sao”, qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

4.2.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm được HS làm ra, để xác định kết quả học tập của các em.

Trong dạy học môn Giáo dục công dân, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).
- Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).
- Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cổ động...
- Những đồ dùng (quần áo, sách vở...), tiền bạc được HS quyên góp...

Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi) để đưa ra quyết định xử lí thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu đối với hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được những thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử được cập nhật thường xuyên để phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất. Các website của NXBGDVN luôn theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng để tổng hợp các thắc mắc và có phản hồi thường xuyên. NXBGDVN cam kết sẽ hỗ trợ GV, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho GV, phụ huynh và HS một cách nhanh chóng.

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học môn Giáo dục công dân 6

Việc tổ chức dạy học SGK Giáo dục công dân 6 được hướng dẫn triển khai thông qua các tài liệu sau:

- SGK, sách GV, sách bài tập Giáo dục công dân 6;
- Bộ tranh vẽ kiến thức chung, những tình huống nhân vật sinh động;
- Tài liệu tập huấn dạy học theo sách giáo khoa mới môn Giáo dục công dân 6;
- Video một số bài dạy mẫu trong môn học;
- Các website: *hanhtrangso.nxbgd.vn* và *taphuan.nxbgd.vn*.

GV và cán bộ quản lý có thể khai thác, sử dụng các tài liệu trên dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của các tác giả và NXBGDVN một cách cụ thể, có kế hoạch, theo quy trình tập huấn khoa học được chuẩn bị và xây dựng từ trước.

5.2.1. Giới thiệu website *hanhtrangso.nxbgd.vn*

Song song với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn xây dựng một trang website tổng hợp các SGK của NXBGDVN để hỗ trợ GV trong việc dạy học và HS trong việc học tập.

Website *hanhtrangso.nxbgd.vn* cung cấp các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh,... Website có những sách bổ trợ, sách GV để GV và HS có thể

tham khảo thêm. Ngoài ra, người dùng có thể trực tiếp hỏi đáp, tương tác với tác giả bộ sách để có thể hiểu thêm rõ hơn về các nội dung trong sách. Website được thiết kế trực quan, sinh động để giúp các em HS có thể tự học qua mạng.

Website SGK điện tử tương thích với nhiều thiết bị thông minh giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng được.

5.2.2. Giới thiệu website *taphuan.nxbgd.vn*

Để hỗ trợ cho việc tập huấn gián tiếp qua mạng, NXBGDVN đã xây dựng và phát triển hệ thống website *taphuan.nxbgd.vn* để tất cả GV, cán bộ quản lý được tiếp cận nhiều bài giảng. Ngoài ra, người dùng cũng có thể nêu lên những thắc mắc để nhận được sự giải đáp từ Tổng Chủ biên, Chủ biên và các tác giả của bộ sách.

Hệ thống tập huấn gián tiếp qua mạng được thiết kế với giao diện đẹp mắt, cung cấp đầy đủ các nội dung cần thiết để hỗ trợ GV trong việc dạy học theo chương trình mới.

Một số học liệu, tiện ích trên hệ thống tập huấn có thể kể đến như:

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới;
- Các video tiết dạy minh hoạ;
- Video giới thiệu về bộ sách và về những điểm nổi bật, những điểm mới của từng môn học nói riêng;
- Bộ câu hỏi giải đáp thắc mắc.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các học liệu phục vụ cho việc dạy – học môn Giáo dục công dân 6

Một số học liệu phục vụ cho việc dạy học SGK Giáo dục công dân 6: SGK Giáo dục công dân 6, tranh ảnh minh hoạ, trò chơi ô chữ, sơ đồ tư duy,...

6.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học

Khi sử dụng SGK Giáo dục công dân 6 làm tài liệu dạy học chính thức, bên cạnh SGK, tài nguyên dạy học còn có Sách bài tập Giáo dục công dân 6.

Vở bài tập Giáo dục công dân 6 là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK Giáo dục công dân 6 nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 12 bài học trong SGK Giáo dục công dân 6; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm

lí, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/sai, nên/không nên;; nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm, xử lý tình huống...

Bên cạnh SGK, SGV, Sách bài tập Giáo dục công dân 6, NXBGDVN còn cung ứng bộ tranh, video thiết bị dạy học tối thiểu (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT- BGDDT ngày 03-11-2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Bộ tranh, video cụ thể tương ứng đối với mỗi bài như sau:

Bài 1: **Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ**, gồm các tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ như: hình ảnh gia đình tứ đại đồng đường, hình ảnh sum vầy, đoàn tụ gia đình trong dịp Tết cổ truyền, hình ảnh bữa ăn gia đình truyền thống Việt Nam;...

Bài 2: **Yêu thương con người**, gồm các tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt như: giúp đỡ đồng bào bão lụt; hiến máu nhân đạo; chăm sóc người già hoặc người tàn tật; trao nhà tình nghĩa; chăm sóc trẻ mồ côi;...

Bài 3: **Siêng năng, kiên trì**, gồm các tranh thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hằng ngày như: tranh mô tả rùa và thỏ đang thi chạy; tranh mô tả một người đang siêng năng làm việc, đối nghịch là một người lười nhác nhưng mơ tưởng đến cuộc sống tốt đẹp, hình ảnh Bác Hồ đang ngồi làm việc trên máy chữ hoặc đang viết;...

Bài 4: **Tôn trọng sự thật**, gồm các video/clip về tình huống trung thực như: trung thực với thầy cô giáo; trung thực với bạn bè;...

Bài 5: **Tự lập**, gồm các video/clip về tình huống tự lập như: phụ giúp cha mẹ trong công việc gia đình; rèn luyện tính ngăn nắp, gọn gàng, tự giác học bài và làm bài đúng giờ;...

Bài 6: **Tự nhận thức bản thân**, gồm video/clip tình huống thực tế về việc: tự giác làm việc nhà;...

Bài 7: **Ứng phó với tình huống nguy hiểm**, gồm các tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm như: hướng dẫn kĩ năng thoát khỏi đám cháy khi xảy ra cháy, hoả hoạn trong nhà; hướng dẫn về phòng, chống đuối nước và kĩ năng sơ cấp cứu nạn nhân; hướng dẫn về kĩ năng phòng, tránh thiên tai;...

Bài 8: **Tiết kiệm**, gồm các tranh, video/clip tình huống về tiết kiệm điện, tiết kiệm tài nguyên nước.

Bài 9: **Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**, gồm các tranh thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân như: mô phỏng giấy khai sinh; mô phỏng căn cước công dân.

Bài 10: **Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam**, gồm các tranh thể hiện mô phỏng một số trang phục dân tộc Việt Nam.

Bài 11: **Quyền cơ bản của trẻ em**, gồm các tranh về các nhóm quyền của trẻ em như: quyền được sống; quyền được phát triển; quyền được bảo vệ; quyền được tham gia.

Bài 12: **Thực hiện quyền trẻ em**, gồm các tranh về những hành động thể hiện các nhóm quyền của trẻ em như: quyền được sống; quyền được phát triển; quyền được bảo vệ; quyền được tham gia.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân nói riêng là: năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế xã hội.

* Thứ nhất, coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

* Thứ hai, tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” bắt chước, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực, rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

* Thứ ba, khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển). Các phương tiện và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

* Thứ tư, tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế các phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện

ý thức chăm chỉ, tự giác, kĩ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

* Thứ năm, phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó trong dạy học cần phối hợp sử dụng các loại thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

* Thứ sáu, tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài giảng, tích cực sử dụng giáo án điện tử kết hợp với việc sử dụng thiết bị thí nghiệm một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Tương ứng với từng chủ đề là những câu chuyện thực tế, hình ảnh bài báo, tranh vẽ minh hoạ để tăng tính trực quan, sinh động cho bài học.

Như vậy, có thể khẳng định nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn Giáo dục công dân theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, làm chủ các chủ đề ở SGK, linh hoạt sử dụng các phương pháp giảng dạy môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học, GV môn Giáo dục công dân hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, việc dạy học phải hướng đến HS làm trung tâm, hướng đến sự phát triển phẩm chất và năng lực của HS. Do đó, GV cần lập kế hoạch dạy học bằng những hoạt động vận động đa dạng, hấp dẫn, thu hút HS tham gia tiếp nhận các kiến thức mới. Một số lưu ý khi lập kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân 6:

– Lấy HS làm trung tâm: Các hoạt động được tổ chức đều hướng đến HS. Đẩy mạnh việc hướng dẫn và giao nhiệm vụ tập luyện cho HS.

– Cụ thể hoá mục tiêu trong từng kế hoạch: Khi lập kế hoạch dạy học cần đưa ra mục tiêu đầy đủ và cụ thể để đáp ứng được những yêu cầu cần đạt trong chương trình và vừa sức với năng lực của HS.

– Lập kế hoạch dạy học bằng nhiều hoạt động đa dạng: Các hoạt động nên chú trọng vào việc HS được thực hành, tiếp cận trực tiếp vào nội dung kiến thức, HS được tích cực thực hiện các công việc và có được những sản phẩm học tập cần thiết.

– Thời gian tổ chức tiết học: Tùy thuộc vào thời gian diễn ra tiết học, GV có thể linh hoạt lựa chọn các trò chơi, hình thức luyện tập phù hợp nhằm tăng hiệu quả của việc tham gia hoạt động của HS.

– Không nên triển khai nhiều nội dung kiến thức vào tiết học: Khác với chương trình giáo dục hiện hành, chương trình giáo dục phổ thông mới đánh giá HS qua sự phát triển hằng ngày về năng lực và phẩm chất. GV nên lập kế hoạch dạy học cụ thể, nội dung không quá nhiều nhưng vẫn đảm bảo mức cơ bản để tất cả HS có thể đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong chương trình. Mỗi bài học trong SGK Giáo dục công dân 6 có thể được dạy trong nhiều tiết, GV có thể chủ động lập kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm của HS, nhà trường, địa phương.

– Không ngừng sáng tạo: Để tổ chức một tiết dạy học hay và sinh động, không thể thiếu sự sáng tạo của GV – người tổ chức hoạt động. GV có thể sáng tạo nhiều điều hay như bổ sung luật chơi ở các trò chơi để tăng tính cạnh tranh, hấp dẫn; sử dụng dụng cụ thay thế bằng các vật liệu tái chế hoặc có thể hướng dẫn và giao nhiệm vụ làm dụng cụ tái chế cho HS,...

Chân trời sáng tạo

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Bài 3: Siêng năng, kiên trì

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
- Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.
- Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.
- Thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.

2. VỀ NĂNG LỰC

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực đặc thù: Năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực phát triển bản thân.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ
- Trung thực
- Trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT; Bộ tranh, ảnh thể hiện sự chăm chỉ, siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hằng ngày.
- Phương tiện: Máy tính, máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập cho HS, giúp HS huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải quyết vấn đề; kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới của HS.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Ai nhanh hơn* để tìm ra những câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì.

c) Sản phẩm:

– *Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững.*

– *Thua keo này, bày keo khác.*

– *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

– *Kiến tha lâu cũng đầy tổ.*

Ngọc kia chuốt mãi cũng tròn.

Sắt kia mài mãi cũng còn nên kim.

– *Trời nào có phụ ai đâu*

Hay làm thì giàu, có chí thì nên.

– *Trăm bó đuốc cũng vớ được con ếch.*

– *Cần cù bù thông minh.*

– *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.*

– *Mưa lâu thấm đất.*

– *Luyện mới thành tài, miệt mài tất giỏi.*

– *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.*

d) Tổ chức thực hiện:

– GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

Phổ biến thể lệ: Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân nào/đội nào tìm được nhiều câu ca dao, tục ngữ hơn sẽ giành chiến thắng.

– HS chơi trò chơi.

– GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân/nhóm thắng cuộc.

– GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học: “Siêng năng, kiên trì”.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện siêng năng, kiên trì của nhân vật trong truyện, từ đó rút ra khái niệm và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện “Quan trọng nhất là hành trình” và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa tr. 12.

c) Sản phẩm: HS rút ra được khái niệm siêng năng, kiên trì.

– Siêng năng là làm việc tự giác, cần cù, chịu khó thường xuyên của con người.

– Kiên trì là làm việc miệt mài, quyết tâm giữ vững ý chí, làm đến cùng dù gặp khó khăn trở ngại.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ đọc truyện.

+ GV tổ chức cho cả lớp làm việc cá nhân, đọc thầm truyện “Quan trọng nhất là hành trình”.

+ GV cho 1 HS đọc/kể lại câu chuyện to rõ ràng cho cả lớp cùng nghe.

– GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 1, 2 trong SGK tr. 12.

1. Vì sao Cừ được trao bằng khen?

2. Từ câu chuyện của Cừ, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

+ Theo em, siêng năng, kiên trì là gì?

– GV mời 2, 3 HS trả lời.

– GV nhận xét, dẫn dắt HS hướng tới khái niệm siêng năng, kiên trì.

– GV chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu: HS trình bày được nội dung của các câu danh ngôn, từ đó rút ra được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

b) Nội dung: HS suy nghĩ, thảo luận và trình bày nội dung của các câu danh ngôn trong SGK tr. 13, rút ra ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

c) Sản phẩm:

– Nội dung của các câu danh ngôn:

+ “Trên đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng” (Lỗ Tấn)

Qua câu nói này Lỗ Tấn muốn khẳng định: kẻ lười biếng không thể có được thành công. Vì thế, muốn thành công nhất định chúng ta phải siêng năng, chăm chỉ.

+ “Nghị lực và kiên trì sẽ chiến thắng tất cả!” (Benjamin Franklin)

Qua câu nói này Benjamin Franklin muốn khẳng định: nghị lực, kiên trì sẽ giúp chúng ta chiến thắng mọi khó khăn, thử thách.

– Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì:

Siêng năng, kiên trì giúp con người vượt qua được khó khăn trong cuộc sống, lao động và học tập, từ đó gặt hái được nhiều thành công.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV chia lớp thành các nhóm từ 4, 6 HS và giao nhiệm vụ thảo luận về:

+ Hai câu danh ngôn dưới đây nói về điều gì?

“Trên đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng.” (Lỗ Tấn)

“Nghị lực và kiên trì sẽ chiến thắng tất cả!” (Benjamin Franklin)

+ Chúng ta có thể rút ra bài học gì từ hai câu danh ngôn đó?

– GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và góp ý, nhận xét.

– GV nhận xét và kết luận.

– Câu danh ngôn của Lỗ Tấn và Benjamin Franklin muốn khuyên chúng ta khi làm bất cứ việc gì muốn gặt hái được thành công cũng cần có sự siêng năng, kiên trì với quyết tâm lớn để vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Nhiệm vụ 3. Biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

b) Nội dung: HS quan sát tranh và chỉ ra những biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

c) Sản phẩm: Biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và sinh hoạt hằng ngày: tích cực, chủ động làm việc nhà như dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, chăm sóc vườn rau...; tập thể dục, rèn luyện sức khoẻ một cách thường xuyên, liên tục...; học bài, làm bài đầy đủ, không để thầy cô, bố mẹ phải nhắc nhở, luôn cố gắng để tìm được cách làm cho những bài tập khó.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ quan sát tranh SGK tr. 13 cho cả lớp và kể thêm những biểu hiện khác của siêng năng, kiên trì.

+ Chỉ ra những biểu hiện của siêng năng, kiên trì được thể hiện trong các bức tranh.

+ Ngoài những biểu hiện trên, hãy chỉ ra những biểu hiện khác mà em biết.

– GV mời 2, 3 HS trả lời.

– GV nhận xét và kết luận.

- Siêng năng là làm việc tự giác, cần cù, chịu khó thường xuyên của con người.
- Kiên trì là làm việc miệt mài, quyết tâm giữ vững ý chí, làm đến cùng dù gặp khó khăn trở ngại.
- Siêng năng, kiên trì giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách và hướng đến thành công.
- Để rèn luyện tính siêng năng, kiên trì, em cần học tập chuyên cần, chăm chỉ rèn luyện kĩ năng sống, không ngừng hoàn thiện hành vi, thái độ và sự ứng xử trước những khó khăn và thách thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để đưa ra được cách xử lý phù hợp cho các tình huống từ đó thể hiện được đánh giá của bản thân về sự siêng năng, kiên trì của người khác trong học tập và lao động. Thể hiện được thái độ quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin, đọc tình huống và trả lời câu hỏi SGK tr. 14 và tr. 15.

c) Sản phẩm:

– Bài tập tr. 14: HS đưa ra được lựa chọn cách ứng xử của mình cho mỗi tình huống và giải thích được vì sao.

– Bài tập tr. 15: HS bày tỏ được thái độ đồng tình, không đồng tình và lời khuyên của các bạn nhỏ trong tình huống đã nêu.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bài tập trong SGK tr. 14:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK tr. 14.

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV mời 3, 4 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung và nhận xét.

+ GV kết luận vấn đề.

– Bài tập tr. 15: đọc tình huống và thực hiện theo yêu cầu SGK tr. 15.

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

Nhóm 1, 2: Thảo luận tình huống 1, đưa ra nhận xét về hai bạn Hùng và Tuấn đồng thời đưa ra cách ứng xử của mình nếu là Hùng, giải thích vì sao lại chọn cách ứng xử như vậy.

Nhóm 3, 4: Thảo luận tình huống 2, đưa ra nhận xét về hai bạn Hoa và Mai, đồng thời bày tỏ thái độ của mình đối với Mai, giải thích vì sao mình lại có thái độ như vậy.

Nhóm 5, 6: Thảo luận tình huống 3 đưa ra nhận xét về hai bạn Minh và Hoàng, đồng thời đưa ra lời khuyên của mình đối với Hoàng.

+ Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

+ GV mời 3 nhóm đại diện lên báo cáo, các nhóm khác bổ sung và nhận xét.

+ GV kết luận vấn đề.

Nhiệm vụ 2. Liên hệ bản thân

a) Mục tiêu: HS đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân.

b) Nội dung: HS liệt kê những việc mình làm hằng ngày, tự đánh giá mức độ siêng năng, kiên trì của bản thân và giải thích vì sao lại tự đánh giá như vậy. Chia sẻ về sự nỗ lực của bản thân để vượt qua khó khăn hoàn thành được một nhiệm vụ/ mục tiêu của bản thân.

c) Sản phẩm: HS liệt kê được những việc mình làm hằng ngày, đánh giá được mức độ siêng năng, kiên trì của bản thân. Giải thích được vì sao lại tự đánh giá mình như vậy.

– Chia sẻ được một câu chuyện, một tình huống mà bản thân HS đã nỗ lực cố gắng vượt qua khó khăn để thực hiện được một nhiệm vụ/mục tiêu đã đề ra.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS tự đánh giá về sự siêng năng, kiên trì của bản thân qua trả lời các câu hỏi trong SGK tr. 15.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.

– GV đặt câu hỏi để khai thác sâu hơn vấn đề HS chia sẻ.

– GV nhận xét và khen ngợi những HS siêng năng, kiên trì.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.

b) Nội dung: HS thiết kế khẩu hiệu về siêng năng, kiên trì và thực hành theo khẩu hiệu đó trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày. Thực hiện một công việc cụ thể cụ thể đòi hỏi tính siêng năng, kiên trì để rèn luyện đức tính này cho bản thân.

c) Sản phẩm:

– Khẩu hiệu về siêng năng kiên trì.

– Thực hiện một công việc cụ thể đòi hỏi tính siêng năng, kiên trì có nhật kí ghi chép và chia sẻ với các bạn trong lớp.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS theo gợi ý trong SGK tr. 15.
- + Thiết kế một khẩu hiệu về siêng năng, kiên trì (khẩu hiệu ngắn gọn, rõ ràng, đảm bảo nội dung, có tính thẩm mỹ).
- + Thực hành khẩu hiệu này trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày (có nhật kí ghi chép).
- + Hãy tìm câu chuyện kể về sự siêng năng, kiên trì của một bạn cùng tuổi mà em biết. Sau đó, chia sẻ với bạn thân hoặc viết đăng trên báo tường của lớp
- + Hãy trồng một hạt giống bất kì, chăm sóc và theo dõi sự trưởng thành của cây. Sau đó, chia sẻ niềm vui với người thân, bạn bè. Từ đó, tiếp tục thử nghiệm gieo trồng nhiều hạt giống hơn dựa trên điều kiện của gia đình, lớp học.
- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- HS nộp sản phẩm.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ và đánh giá vào thời điểm phù hợp.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua hỏi – đáp, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì; Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động; Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này; Thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.

2. Hoàn thành: Nêu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì nhưng còn chưa đầy đủ; Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động nhưng đôi khi còn nhầm lẫn; Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này nhưng đôi khi lời khuyên chưa sát thực; Thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thường xuyên.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì; Chưa đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động; Chưa biết thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì; chưa góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này và chưa thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.

PHẦN BA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

1. KẾT CẤU SÁCH GIÁO VIÊN

Sách giáo viên Giáo dục công dân 6 được biên soạn nhằm đáp ứng mục tiêu giúp quý thầy cô trở thành người thiết kế, tổ chức và hướng dẫn tập luyện theo định hướng đổi mới giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông, môn Giáo dục công dân (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Các bài học được thiết kế trực quan, sinh động giữa các phần kiến thức, cung cấp nhiều dữ liệu phục vụ cho việc dạy học. Giáo viên có thể sử dụng nguồn dữ liệu được cung cấp để tiến hành dạy học và sáng tạo ra nhiều hình thức lên lớp khác nhau phù hợp với điều kiện lớp học. Mục tiêu hướng đến là một giờ học giáo dục công dân sinh động, hứng thú, nhiều hoạt động và hình thành các phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Cấu trúc sách giáo viên Giáo dục công dân 6 được biên soạn gồm hai phần:

– Phần một. Giới thiệu chung về môn Giáo dục công dân ở lớp 6: Giới thiệu các mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 6. Giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới, cấu trúc sách, cấu trúc bài học, các phương pháp dạy học, đánh giá kết quả giáo dục, gợi ý kế hoạch dạy học và một số trang thiết bị, dụng cụ dùng trong dạy học.

– Phần hai. Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục công dân: Hướng dẫn chi tiết mục tiêu bài học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và những gợi ý hoạt động dạy học cụ thể.

2. SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN HIỆU QUẢ

Sách giáo viên được biên soạn nhằm mục đích hỗ trợ cho sách giáo khoa và hỗ trợ giáo viên trong việc thiết kế, tổ chức và triển khai tập luyện theo định hướng đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân. Sách giáo viên luôn được sử dụng kết hợp với sách giáo khoa để giáo viên có nhiều học liệu từ đó

lựa chọn và vận dụng trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy học. Các thông tin được cung cấp trong sách là nguồn dữ liệu phong phú, đa dạng để giáo viên có thể lựa chọn và sáng tạo phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và dạy học tại đơn vị công tác. Các gợi ý tổ chức dạy học, gợi ý về kiểm tra đánh giá là nguồn thông tin bổ ích giúp cho giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch kiểm tra đánh giá theo năm học một cách khoa học, chặt chẽ, hiệu quả, từ đó quyết định các hình thức – nội dung dạy học và kiểm tra – đánh giá thường xuyên, định kì phù hợp.





Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHAN THỊ BÍCH VÂN – VŨ TRỌNG THANH

Thiết kế sách: HOÀNG CAO HIỀN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu.

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan.

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6 –
BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số:

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: